TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 658/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 14 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ các điều 212, 213, 366, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 737/2019/HNST ngày 05/8/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Đỗ Thị Quỳnh T,** sinh năm 1986.
- Ông **Trần Nhật T,** sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: 27/31 Đỗ Công T, phường T, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nhật T và bà Đỗ Thị Quỳnh T thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của bà Đỗ Thị Quỳnh T và ông Trần Nhật T được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận ông Trần Nhật T và bà Đỗ Thị Quỳnh T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai ông bà cùng xác nhận có 02 con chung tên Trần Nhật M, sinh ngày 30/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 13/3/2019. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ Nhật K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là trẻ Nhật M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các bên do các bên không có yêu cầu. Thỏa thuận về con chung của bà T và ông T phù hợp với quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Nhật T và bà Đỗ Thị Quỳnh T xác nhận tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T, bà T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng bà T và ông Tphải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012485 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Quỳnh T và ông Trần Nhật T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Quỳnh T và ông Trần Nhật T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/CNKH, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H cấp ngày 26/02/2014 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai ông bà cùng xác nhận có 02 con chung tên Trần Nhật M, sinh ngày 30/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 13/3/2019. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ Nhật K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là trẻ Nhật M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các bên do các bên không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Ông Trần Nhật T và bà Đỗ Thị Quỳnh T xác nhận tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Quỳnh T và ông Trần Nhật T phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012485 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã t, huyện C, Thành phố H (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hòa